

Bản án số: 12/2022/HC-ST
Ngày: 22/08/2022
V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai.

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bằng Công Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Văn Tuyên

2. Bà Đặng Thị Kim Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Lý Hòa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 08 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 03/2022/TLST-HC, ngày 28/01/2022 về việc: “Khởi kiện Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HC ngày 20 tháng 07 năm 2022, giữa các đương sự:

1 - Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Tổ dân phố YN, phường BH, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc Q, sinh năm 1952.

Địa chỉ: X, Y, phường CG, TPTN, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt).

2 - Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

- Địa chỉ: Phường BH, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

- Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Trần XT chức vụ Phó Chủ tịch UBND thành phố P, tỉnh Thái Nguyên (Giấy ủy quyền số: 01/GUQ-UBND ngày 21/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố P, tỉnh Thái Nguyên). (Vắng mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Lê Thị Hương G, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Tổ dân phố YN, phường BH, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.
(Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc Q, sinh năm 1952.

Địa chỉ: X, Y, phường CG, TPTN, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện người khởi kiện, bản tự khai, lời khai tại Tòa án, và tại phiên tòa, của người khởi kiện trình bày:

Cha tôi là ông Nguyễn Văn S có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O cấp ngày 29/09/1994 số vào sổ cấp GCN Z với diện tích 1.130 m² đất thổ cư, không có đất trồng cây lâu năm (CLN) và 280 m² đất ao gồm các thửa Z1, Z2, Z3 và Z4, tờ bản đồ Z5. Năm 2008, cha tôi chết không để lại di chúc.

Ngày 16/06/2011, UBND huyện P (nay là thị xã P) đã chia di sản của cha tôi thành 03 giấy CNQSD đất cho các anh em tôi gồm có:

1. Nguyễn Văn B 520 m² đất thổ cư sử dụng lâu dài.
2. Nguyễn Thị Minh T 110 m² đất thổ cư sử dụng lâu dài.
3. Nguyễn Văn N 320 m² đất thổ cư sử dụng lâu dài.

Tổng cộng đã cấp là: 950 m² đất thổ cư. Còn lại là 180 m² đất thổ cư, ngày 24/3/2013 tôi có đơn xin cấp bổ sung gửi đến UBND huyện P (nay là thị xã P), UBND thị trấn BH (nay là phường BH) nhưng không được giải quyết.

Ngày 10/7/2013 tôi làm giấy ủy quyền cho ông Lê Ngọc Q, ông Lê Ngọc Q đã làm việc với các ban ngành của UBND thị xã P, UBND phường BH.

Ngày 25/4/2016 UBND thị xã đã có giấy chuyển đơn số 52/CĐ-UBND chuyển đến Thanh tra thị xã P.

Ngày 08/7/2016 đã có biên bản làm việc của đoàn xác minh thanh tra thị xã P, kèm theo bản trích đo thửa đất của Công ty C, thửa Z2, Z3 = 278,14 m² + phần bếp nhà ông L xây trên đất nhà tôi là 9,62 m². Tổng cộng là 287,76 m².

Ngày 11/3/2020 ông Lê Ngọc Q nhận được thông báo thu hồi đất số 88D/TB-UBND ngày 20/12/2011 của UBND huyện P (nay là thị xã P) do ông Đồng HN, Trưởng ban bồi thường & QLDA cung cấp theo công văn số 66/CV-GPMB ngày 11/3/2020.

Từ đó đến nay tôi và ông Q chưa một lần được UBND phường BH, ban bồi thường & QLDA thị xã mời đến họp về thu hồi đất theo Điều 67, 69 Luật Đất đai, Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Ngày 21/9/2021, biên bản hội nghị vào hồi 14 giờ 00 phút của các ban ngành UBND phường BH. Kết luận hội nghị, UBND phường BH không cho ông Q làm đại diện ủy quyền của tôi nữa, nếu muốn phải làm giấy ủy quyền khác, thời gian này tôi không có người đại diện ủy quyền, giải quyết đất đai di sản của bố tôi để lại.

Do sự hạn chế hiểu biết về pháp luật của tôi, vào khoảng 10 giờ ngày 30/9/2021 ông Vũ Khánh Th cán bộ địa chính đến nhà tôi mời tôi lên UBND phường nhận tiền hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất, khi tôi đến bà Phan Thị KH Phó Chủ tịch UBND phường BH đánh máy sẵn 02 tờ giấy bảo tôi ký vào để nhận tiền, tôi không ký. Bà KH bảo tôi: chị cứ ký vào không ai làm gì mà chị sợ, nếu thiếu bổ sung sau. Tôi đã ký và chờ đến 12 giờ trưa không có tiền tôi về, đến chiều vào khoảng 16 giờ tôi nhận tiền và đi về.

Đến 7 giờ sáng hôm sau ngày 01/10/2021 ông Vũ Khánh Th cán bộ địa chính đến nhà tôi đưa cho tôi tờ giấy biên bản làm việc, (viết là vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 30/9/2021), bảo tôi ký vào để nhận đất, tôi ký xong ông Th ngồi chờ UBND phường tổ chức người, máy móc đến đập phá nhà của tôi và họ giao đất cho đơn vị làm đường để lập khu dân cư cho nên bây giờ tôi không còn nhà để ở, phải đi ở nhờ rất khổ cực.

Nay tôi đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 18/03/2021 của UBND thị xã P về việc phê duyệt phương án dự toán bồi thường giải phóng mặt bằng dự án: Khu dân cư và Trung tâm hành chính - kinh tế - dịch vụ thị trấn BH (nay là phường BH, thị xã P).

- Hủy Quyết định số 1592/QĐ-UBND ngày 18/03/2021 của UBND thị xã P về việc thu hồi đất thực hiện dự án: Khu dân cư và Trung tâm hành chính - kinh tế - dịch vụ thị trấn BH (nay là phường BH, thị xã P).

Ngày 11/03/2022, bà Nguyễn Thị Minh T bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 1734/QĐ-UBND ngày 19/03/2021 của UBND thị xã P về việc phê duyệt phương án dự toán bồi thường giải phóng mặt bằng dự án: Khu dân cư và Trung tâm hành chính - kinh tế - dịch vụ thị trấn BH (nay là phường BH, thị xã P).

- Hủy Quyết định số 2406/QĐ-UBND ngày 01/04/2021 của UBND thị xã P về việc phê duyệt phương án dự toán bồi thường giải phóng mặt bằng dự án: Khu dân cư và Trung tâm hành chính - kinh tế - dịch vụ thị trấn BH (nay là phường BH, thị xã P).

- Yêu cầu UBND thành phố P bồi thường thiệt hại do hành vi phá dỡ nhà trái pháp luật của UBND thị xã P gây ra.

- *Tại văn bản số 423/UBND- TNMT ngày 15/6/2022, của UBND thành phố P có ý kiến như sau:*

Căn cứ các Quyết định số 3200/QĐ-UBND ngày 19/12/2011 của UBND TT về việc điều chỉnh lần 1 quy hoạch chi tiết khu dân cư và Trung tâm Hành chính - Kinh tế - Dịch vụ thị trấn BH, huyện P - Khu số 1, số 2 và bổ sung lập mới quy hoạch chi tiết khu số 3; Quyết định số 2797/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 của UBND TT về việc phê duyệt dự án đầu tư: Hạ tầng khu dân cư

và Trung tâm Hành chính - Kinh tế - Dịch vụ thị trấn BH, huyện P; Quyết định số 8098/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của UBND thị xã P về việc điều chỉnh lần 2 quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư và Trung tâm Hành chính - Kinh tế - Dịch vụ thị trấn BH, huyện P Khu số 2 và Quyết định số 3946/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của UBND TT về việc điều chỉnh thời gian thực hiện dự án đầu tư Khu dân cư và Trung tâm Hành chính - Kinh tế - Dịch vụ thị trấn BH, huyện P (nay là phường BH, thị xã P).

Trên cơ sở các văn bản nêu trên, Ủy ban nhân dân thị xã P (nay là thành phố P) đã chỉ đạo các phòng ban chức năng; UBND phường BH tổ chức thực hiện công tác thu hồi, bồi thường hỗ trợ tái định cư đối với các hộ gia đình có đất và tài sản trên đất cũng như với bà Nguyễn Thị Minh T, đảm bảo công bằng, khách quan, chặt chẽ theo quy định.

Bà Nguyễn Thị Minh T có đất ở và nhà ở thuộc khu vực dự án Khu dân cư và Trung tâm Hành chính - Kinh tế - Dịch vụ thị trấn BH; Trong quá trình thực hiện dự án, bà T không phối hợp cùng tổ công tác để kê khai, kiểm đếm đất và tài sản trên đất, mặc dù đã được tổ công tác của thị xã, UBND phường BH mời bà T lên vận động, giải thích nhiều lần nhưng bà T không chấp hành.

Trong quá trình thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, bà Nguyễn Thị Minh T ủy quyền cho ông Lê Ngọc Q trú tại phường Gia Sàng, TPTN để giải quyết quyền lợi cho bà T. Qua hồ sơ liên quan cũng như sự giải thích của phòng ban chuyên môn của thành phố cùng UBND phường BH. Tuy nhiên, người nhận ủy quyền là ông Q cố tình không hiểu mà dùng quyền đòi hỏi những chế độ ngoài chính sách quy định của nhà nước.

Do vậy, UBND thị xã P đã ban hành các quyết định hành chính để thực hiện giải phóng mặt bằng. Sau nhiều lần giải thích, vận động, hiện nay bà Nguyễn Thị Minh T đã nhận đủ tiền bồi thường, hỗ trợ theo các quyết định đã được phê duyệt của UBND thị xã P, đồng thời bàn giao mặt bằng cho nhà nước để thực hiện dự án.

Về tái định cư: Bà T thu hồi 110 m² đất ở và được bố trí 02 lô (trong đó có 01 lô phụ) nhưng bà T không đồng ý nên chưa làm thủ tục giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

UBND thành phố P khẳng định quy trình thực hiện công tác giải phóng mặt bằng đối với dự án Khu dân cư và Trung tâm Hành chính - Kinh tế - Dịch vụ thị trấn BH đảm bảo đúng quy định của pháp luật. UBND thành phố P không chấp nhận nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh T.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tỉnh phát biểu ý kiến về việc Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tòa án và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của pháp luật .

Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã tiếp nhận đơn khởi kiện, thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, trong thời hiệu theo quy định của pháp luật.

Xem xét nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh T là không có căn cứ chấp nhận.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a, khoản 2, Điều 193 - Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí tòa án. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh T.

Buộc bà Nguyễn Thị Minh T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào quá trình thẩm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát N dân tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay đại diện UBND thành phố P, chị Lê Thị Hương G có đơn xin xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vắng mặt đương sự theo Điều 157, Điều 158 Luật tổ tụng hành chính.

Về quyết định đưa vụ án ra xét xử không ghi: *"...hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*, nhưng về nội dung Hội đồng xét xử xem xét toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh T, nên không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Nguyễn Thị Minh T.

Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết.

Ngày 21/02/2022, bà Nguyễn Thị Minh T gửi đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên và đơn bổ sung ngày 11/3/2022 yêu cầu: Hủy Quyết định số 1592/QĐ-UBND ngày 18/03/2021 của UBND thị xã P về việc thu hồi đất thực hiện dự án: Khu dân cư và Trung tâm hành chính - kinh tế - dịch vụ thị trấn BH (nay là phường BH, thị xã P). (Viết tắt là Quyết định số 1592); Hủy Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 18/03/2021 của UBND thị xã P về việc phê duyệt phương án dự toán bồi thường giải phóng mặt bằng dự án: Khu dân cư và Trung tâm hành chính - kinh tế - dịch vụ thị trấn BH (nay là phường BH, thị xã P). (Viết tắt là Quyết định số 1591); Hủy Quyết định số 1734/QĐ-UBND ngày 19/03/2021 của UBND thị xã P về việc phê duyệt phương án dự toán bồi thường giải phóng mặt bằng dự án: Khu dân cư và Trung tâm hành chính - kinh tế - dịch vụ thị trấn BH (nay là phường BH, thị xã P). (Viết tắt là Quyết định số 1734); Hủy Quyết định số 2406/QĐ-UBND ngày 01/04/2021 của UBND thị xã P về việc phê duyệt phương án dự toán bồi thường giải phóng mặt bằng dự án: Khu dân cư và Trung tâm hành chính - kinh tế - dịch vụ thị trấn BH (nay là

phường BH, thị xã P). (Viết tắt là Quyết định số 2406); Yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi phá dỡ nhà trái pháp luật của UBND thị xã P. Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh T là trong thời hiệu khởi kiện, thuộc đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên theo Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

* Về nội dung:

[2]. Xét về trình tự thủ tục thẩm quyền ban hành các quyết định bị khởi kiện.

Ngày 21/6/2011, UBND TT ban hành Quyết định số 1549/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu dân cư và Trung tâm hành chính - kinh tế - dịch vụ thị trấn BH, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 19/12/2011, UBND TT ban hành Quyết định số 3200/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh lần 1 quy hoạch chi tiết Khu dân cư và Trung tâm hành chính - kinh tế - dịch vụ thị trấn BH, huyện P Khu số 1, số 2 và bổ sung lập mới quy hoạch chi tiết khu 3.

Ngày 20/12/2011, UBND huyện P, tỉnh Thái Nguyên ban hành Thông báo số 88b/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: xây dựng Hạ tầng Khu dân cư và Trung tâm hành chính - kinh tế - dịch vụ thị trấn BH, huyện P.

Ngày 18/12/2013, UBND TT ban hành Quyết định số 2797/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án đầu tư: Hạ tầng khu dân cư và Trung tâm hành chính - kinh tế - dịch vụ thị trấn BH, huyện P.

Ngày 01/11/2017, UBND thị xã P, tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 8098/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh lần 2 quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Trung tâm hành chính - kinh tế - dịch vụ thị trấn BH, huyện P.

Ngày 06/12/2019, UBND thị xã P, tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 3946/QĐ-UBND về việc điều chỉnh thời gian thực hiện dự án Khu dân cư và Trung tâm hành chính - kinh tế - dịch vụ thị trấn BH, huyện P.

Ủy ban nhân dân thị xã P (nay là thành phố P) đã chỉ đạo các phòng ban chức năng, UBND phường BH tổ chức triển khai thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, phổ biến chính sách bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án, thống kê, kê khai thu hồi đất theo trình tự thủ tục quy định.

UBND thị xã P đã ban hành Quyết định số 1592 về việc thu hồi đất; Quyết định số 1591, Quyết định số 1734, Quyết định số 2406 về việc phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 62; Điều 63; Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

[3]. Xem xét về nội dung Quyết định số 1592 về việc thu hồi đất.

[3.1]. Về nguồn gốc diện tích đất của gia đình bà Nguyễn Thị Minh T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc sử dụng ổn định không có tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ Quyết định số 8098/QĐ-UBND ngày 01/11/2017, UBND thị xã P, tỉnh Thái Nguyên ban hành về việc phê duyệt điều chỉnh lần 2 quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Trung tâm hành chính - kinh tế - dịch vụ thị trấn BH, huyện P.

Căn cứ Bản đồ địa chính (đo vẽ lại) phục vụ công tác bồi thường GPMB xây dựng Trung tâm hành chính - kinh tế - dịch vụ thị trấn BH, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, do Sở TT duyệt ngày 18/6/2020.

Tổng diện tích hộ gia đình bà Nguyễn Thị Minh T bị thu hồi là: 378,7 m². Gồm 03 thửa trích đo cụ thể: Tờ bản đồ số: 7(Z5), Số thửa: 33(Z2+Z3+Z6), diện tích 110 m² (ODT), 108,7 m² (CLN), 160 m² (LUK).

Đây là dự án phục vụ cho mục đích phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ L ích công cộng theo quy định tại Điều 62, Điều 63 của Luật Đất đai năm 2013.

[3.2]. Tại Tòa án bà Nguyễn Thị Minh T xác định diện tích thu hồi không chính xác, thửa Z2, Z3 = 278,14 m² theo bản trích đo thửa đất của Công ty C lập ngày 18/7/2016 và phần bếp nhà ông L xây trên đất nhà bà T là 9,62 m². Tổng số là 287,76 m², và việc UBND thị xã P xác định loại đất bị thu hồi tại thửa đất số Z2 là đất CLN là không đúng, yêu cầu xác định là đất ở.

Xét thấy:

Căn cứ Kết luận số 03/KL-UBND ngày 06/7/2020 của UBND thị xã P xác định: Về hiện trạng sử dụng đất: Tại thửa đất số Z3, tờ bản đồ Z5, bà Nguyễn Thị Minh T xây nhà cấp 4 để ở. Trong quá trình sử dụng bà Nguyễn Thị Minh T đã xây bờ rào bao quanh các thửa Z6, Z3 cùng với thửa Z2, tờ bản đồ Z5. Trong đó, thửa Z2, tờ bản đồ Z5 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo số liệu trích đo hiện trạng để thực hiện bồi thường GPMB thì toàn bộ diện tích đất của bà Nguyễn Thị Minh T đang sử dụng trong phạm vi thu hồi của dự án Khu dân cư và Trung tâm hành chính - kinh tế - dịch vụ thị trấn BH. Bao gồm:

- Thửa số Z3, diện tích 110 m², mục đích sử dụng: Đất ở (trên đất có nhà xây cấp 4)

- Thửa số Z6, diện tích 160 m², mục đích sử dụng: Trồng lúa nước, hiện đang trồng rau muống.

- Thửa số: Z2, Z7 và một phần diện tích đường đi theo bản đồ địa chính, diện tích: 108,7 m², mục đích sử dụng: Trồng cây lâu năm. (Đây là thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng được xác định là đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Minh T).

Căn cứ Bản đồ địa chính (đo vẽ lại) phục vụ công tác bồi thường GPMB xây dựng Trung tâm hành chính - kinh tế - dịch vụ thị trấn BH, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, do Sở TT duyệt ngày 18/6/2020. (BL: 390).

Căn cứ biên bản làm việc về việc kê khai bắt buộc diện tích đất đai nằm trong mốc GPMB của hộ bà Nguyễn Thị Minh T lập ngày 19/01/2021 (BL: 406), thì tổng diện tích hộ gia đình bà Nguyễn Thị Minh T bị thu hồi là: 378,7 m² là đúng.

Như vậy, căn cứ diện tích thực tế bà Nguyễn Thị Minh T đang sử dụng, UBND thị xã P đã ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị Minh T là phù hợp với Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Tại Tòa án bà Nguyễn Thị Minh T xác định diện tích thu hồi không chính xác, thửa Z2, Z3 = 278,14 m², theo bản trích đo thửa đất của Công ty C lập ngày 08/7/2016 và phần bếp nhà ông L xây trên đất nhà bà T là 9,62 m². Tổng số là 287,76 m². Xét ý kiến của bà Nguyễn Thị Minh T là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, bản trích đo trên không ghi đầy đủ các thửa đất của bà Nguyễn Thị Minh T bị thu hồi. Thanh tra thị xã P cũng không có văn bản kết luận gia đình bà Nguyễn Thị Minh T sử dụng đối với 287,76 m² đất trên sau khi có biên bản làm việc ngày 08/07/2016, nên không phải là tài liệu phục vụ công tác bồi thường GPMB theo quy định.

Tại Tòa án, bà T và người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Ngọc Q đề nghị Tòa án thẩm định tại chỗ để làm rõ diện tích đất thu hồi, thấy không có căn cứ chấp nhận, thực tế diện tích đất của gia đình bà T bị thu hồi không còn ranh giới như trước khi thu hồi, do dự án đã được thực hiện.

Về loại đất thu hồi tại thửa đất số Z2, bà Nguyễn Thị Minh T yêu cầu xác định là đất ở, thấy rằng:

Căn cứ khoản 1, Điều 3, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định:

"1. Trường hợp đang sử dụng đất ổn định mà không phải do lấn chiếm, chuyển mục đích trái pháp luật thì loại đất được xác định theo hiện trạng đang sử dụng."

Xét thấy,

Căn cứ Văn bản số 186/UBND- GPMB ngày 18/02/2020 của UBND thị xã P đã xác định: *"Tại Văn bản trả lời số 46/CV-UBND ngày 03/04/2014 của UBND thị trấn BH xác định: Theo bản đồ địa chính thị trấn BH (nay là phường BH), được duyệt năm 1992 thì thửa đất Z2 là thửa đất hoang, tại thời điểm năm 2011 được sử dụng một phần trồng tre, một phần sử dụng vào mục đích chăn nuôi mà không sử dụng vào mục đất đất ở"* (BL: 195).

Căn cứ bản đồ địa chính năm 1992 thể hiện: Thửa Z2, diện tích 90 m² (BCS), là ký hiệu đất bằng chưa sử dụng (BL: 277), không phải là diện tích đất đất ở (ODT) nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O cấp ngày 29/09/1994 số vào sổ cấp GCN Z tại thửa số Z1, tờ bản đồ Z5, diện tích 1.130 m² cấp cho ông Nguyễn Văn S, cách thửa Z1 bởi con đường đi.

Tại đơn đề nghị của bà Nguyễn Thị Minh T ngày 24/4/2013 thể hiện: *"Năm 1998, cha tôi làm nhà cho tôi ở riêng, trên một phần đất này, khi xây nhà đã xây bờ rào xung quanh...phần đất này có diện tích là 298 m², trước khi tôi làm nhà thì một phần trồng rau, một phần để đóng cọc, buộc trâu, bò và đánh đồng rom, rạ, cha tôi đã làm nhà cho tôi ở phần đất trồng rau. Sau khi cha tôi mất, trâu bò không nuôi nữa, tôi dùng để nuôi gia cầm."* (BL: 10).

Như vậy, thửa đất số Z2, hiện trạng trước khi bị thu hồi bà T sử dụng là đất trồng cây lâu năm, UBND thị xã P xác định loại đất thu hồi là đất cây lâu năm (CLN) là đúng, nên bà Nguyễn Thị Minh T đề nghị xác định là đất ở là không có cơ sở chấp nhận.

Do vậy, xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Minh T yêu cầu hủy Quyết định 1592 nêu trên là không có cơ sở chấp nhận.

[4]. Xem xét nội dung của Quyết định số 1591 về việc phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng.

[4.1]. Theo Quyết định số 1591 thì gia đình bà Nguyễn Thị Minh T được bồi thường gồm:

- Bồi thường đất: 261.871.600 đồng.
- Đơn giá bồi thường sản lượng: 1.040.000 đồng.
- Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp: 59.614.800 đồng.
- Thưởng bàn giao mặt bằng: 537.400 đồng.

Tổng cộng: 323.063.800 đồng.

[4.2]. Thấy rằng, việc bồi thường, hỗ trợ là phù hợp với Điều 75, Điều 77, Điều 79, Điều 84, Điều 90 Luật Đất đai năm 2013, Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ và Điều 14, Điều 17 Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 22/8/2014 của UBND TT về việc ban hành quyết định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Quyết định số 3691/2020/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 của UBND TT về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng tại dự án Khu dân cư và Trung tâm hành chính - kinh tế - dịch vụ thị trấn BH. Nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 1591 của bà Nguyễn Thị Minh T.

[5]. Xem xét nội dung của Quyết định số 1734 về việc phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng.

[5.1]. Theo Quyết định số 1734 thì gia đình bà Nguyễn Thị Minh T được bồi thường gồm:

- Bồi thường cây cối: 1.510.486 đồng.
- Hỗ trợ ổn định đời sống: 7.592.000 đồng.
- Các khoản bồi thường, hỗ trợ di chuyển chỗ ở bàn giao mặt bằng sớm:

13.300.000 đồng.

Tổng cộng: 22.730.486 đồng.

[5.2]. Thấy rằng việc bồi thường cây cối là phù hợp Quyết định số 39/2017/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 của UBND TT về việc ban hành quy định về đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Về hỗ trợ ổn định đời sống là phù hợp với khoản 3, Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính Phủ.

Về hỗ trợ di chuyển chỗ ở là phù hợp điểm a, khoản 1, Điều 15 Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 22/8/2014 của UBND TT.

Về hỗ trợ thuê nhà tạm là phù hợp khoản 5, Điều 22 Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 22/8/2014 của UBND TT. Nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 1734 của bà Nguyễn Thị Minh T.

Nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 1734 của bà Nguyễn Thị Minh T.

[6]. Xem xét nội dung của Quyết định số 2406 về việc phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng.

[6.1]. Theo Quyết định số 2406 thì gia đình bà Nguyễn Thị Minh T được bồi thường gồm:

- Bồi thường tài sản: 344.115.699 đồng.

Tổng cộng: 344.115.699 đồng.

[6.2]. Thấy rằng việc bồi thường về tài sản là phù hợp Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ và Điều 9 Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 22/8/2014 của UBND TT về việc ban hành quyết định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 của UBND TT về việc ban hành quy định về đơn giá bồi thường nhà, công trình kiến trúc gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 2406 của bà Nguyễn Thị Minh T.

[8]. Về yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi phá dỡ nhà trái pháp luật của UBND thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

Tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Q đề nghị bồi thường 287,76 m² đất thu hồi, 160 m² đất nông nghiệp, tiền thuê nhà ở, bồi thường tổn thất tinh thần, mất thu nhập do không có chỗ để chăn nuôi và liệt kê số tiền yêu cầu bồi thường.

Xét thấy, ngày 30/9/2021, bà Nguyễn Thị Minh T có đơn đề nghị về việc xin nhận tiền đền bù thu hồi đất theo Quyết định 1592/QĐ-UBND và Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 18/3/2021 và cam kết sẽ bàn giao mặt bằng cho Nhà nước sau 5 ngày. Tuy nhiên, tại biên bản ngày 30/9/2021 của UBND thị xã P thể hiện: UBND thị xã P cam kết sẽ giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Minh T chậm nhất là ngày 30/10/2021. Sau khi thống nhất các nội dung trên gia đình bà Nguyễn Thị Minh T phải chuyển đồ

đạc và bàn giao mặt bằng cho Nhà nước thi công bắt đầu từ ngày 01/10/2021. (BL 78). Tại biên bản ngày 30/9/2021 của UBND phường BH, UBND phường BH yêu cầu bà T di chuyển tài sản và sớm bàn giao mặt bằng cho Nhà nước bắt đầu từ sáng ngày 01/10/2021. (Bà T đại diện gia đình đã ký biên bản). (BL: 111)

Xét việc UBND thị xã P san mặt bằng ngày 01/10/2021 nhằm đảm bảo tiến độ thực hiện dự án và thực hiện theo các biên bản nêu trên. Việc bà Nguyễn Thị Minh T cho rằng UBND thành phố P thực hiện hành vi phá dỡ nhà trái pháp luật là không đúng.

Mặt khác, trước khi thực hiện giải phóng mặt bằng, tại Quyết định 1734 đã tính các khoản bồi thường, hỗ trợ di chuyển chỗ ở, hỗ trợ thuê nhà tạm, thường bàn giao mặt bằng trước thời hạn tổng số tiền: 13.300.000 đồng, bà T đã nhận tiền bồi thường hỗ trợ, quyền lợi của gia đình bà T được bảo đảm.

Tại Tòa án, bà Nguyễn Thị Minh T và người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Ngọc Qđề nghị đưa một số người làm chứng tham gia phiên tòa để làm rõ việc đập phá nhà ngày 01/10/2021, thấy không có căn cứ chấp nhận.

Nên việc bà T yêu cầu bồi thường thiệt hại thấy không có căn cứ chấp nhận. Căn bác yêu cầu của bà T là phù hợp.

[9]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, điểm a, khoản 2, Điều 193 - Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 62; Điều 63; Điều 66, Điều 69, Điều 75, Điều 77, Điều 79, Điều 84, Điều 90 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1, Điều 3, Điều 17, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; Điều 9, Điều 12, khoản 3, Điều 19, Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 9, Điều 14, điểm a, khoản 1, Điều 15, Điều 17, khoản 5, Điều 22 Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 22/8/2014 của UBND TT; Quyết định số 39/2017/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 của UBND TT; Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 của UBND TT; Quyết định số 3691/2020/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 của UBND TT; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh T yêu cầu hủy các quyết định gồm:

- Quyết định số 1592/QĐ-UBND ngày 18/03/2021 của UBND thị xã P về việc thu hồi đất thực hiện dự án: Khu dân cư và Trung tâm hành chính - kinh tế - dịch vụ thị trấn BH (nay là phường BH, thị xã P).

- Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 18/03/2021 của UBND thị xã P về việc phê duyệt phương án dự toán bồi thường giải phóng mặt bằng dự án: Khu dân cư và Trung tâm hành chính - kinh tế - dịch vụ thị trấn BH (nay là phường BH, thị xã P).

- Quyết định số 1734/QĐ-UBND ngày 19/03/2021 của UBND thị xã P về việc phê duyệt phương án dự toán bồi thường giải phóng mặt bằng dự án: Khu dân cư và Trung tâm hành chính - kinh tế - dịch vụ thị trấn BH (nay là phường BH, thị xã P).

- Quyết định số 2406/QĐ-UBND ngày 01/04/2021 của UBND thị xã P về việc phê duyệt phương án dự toán bồi thường giải phóng mặt bằng dự án: Khu dân cư và Trung tâm hành chính - kinh tế - dịch vụ thị trấn BH (nay là phường BH, thị xã P).

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh T yêu cầu:

- Bồi thường thiệt hại do hành vi phá dỡ nhà trái pháp luật của UBND thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước. Được trừ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0000071 ngày 26/01/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Có mặt người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và 03 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao- Hà Nội.
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu HS.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bằng Công Hiệp

